TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2019/DS-PT
Ngày: 31 tháng 5 năm 2019
V/v: Tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA- VŨNG TÀU

- Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Văn Tâm

Các Thẩm phán: Ông Trịnh Hoàng Anh

Ông Cao Minh Vỹ

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu: Ông Hrần Thị Kiều Oanh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 31 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 14/2019/TLPT-DS ngày 11 tháng 01 năm 2019 về việc: "Tranh chấp quyền sử dụng đất".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 51/2018/DS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 66/2019/QĐ-PT ngày 18/4/2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 53/2019/QĐ-PT ngày 15/5/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Vòng Phát A, sinh năm 1945 và ông Hống Thị B, sinh năm 1953; HKTT: Tổ 4, ấp Thanh Bình 3, xã Bình Châu, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (Có mặt).

Người đại diện theo uỷ quyền cho ông Y, bà Mơi: Bà Vòng Thị V, sinh năm 1981; HKTT: ấp B, xã C, huyện X, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, (Giấy uỷ quyền ngày 14/11/2018). (Có mặt).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1955 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1960; HKTT: ấp B, xã C, huyện X, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; Người đại diện theo ủy quyền của ông Hẹo: Ông Nguyễn Ngọc H (Chồng ông Hẹo) là bị đơn trong vụ án.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ủy ban nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; Người đại diện theo pháp luật: Ông Đặng Thanh Minh – Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Xuyên Mộc. (Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện X; Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Thanh Hi, sinh năm 1960 – Giám đốc phòng giao dịch Bình Châu. (Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Uỷ ban nhân dân xã B, huyện X, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Quốc G – Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Bình Châu. (Vắng mặt);

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Bá Đ – Cán bộ địa chính xã Bình Châu. (Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Ông Mai Quang Q, sinh năm 1955 và ông Hrương Thị An, sinh năm 1964; HKTT: ấp B, xã C, huyện X, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (Ông Quý có mặt, bà An vắng mặt).

4. Người kháng cáo: Ông Vòng Phát A và ông Hống Thị B là nguyên đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng giải quyết vụ án, Ông Vòng Phát A và ông Hống Thị B trình bày: Vào năm 2002 vợ chồng ông, bà có nhận chuyển nhượng của ông Võ Thành P 6.640m^2 đất tại ấp Bình Tiến, xã Bình Châu, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Khi nhận chuyển nhượng đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hai bên tiến hành làm thủ tục chuyển nhượng theo quy định và trong năm 2002 ông, bà được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 54, tờ bản đồ số 24 xã Bình Châu, huyện Xuyên Mộc. Năm 2003 ông, ông Hrồng tre để làm ranh. Lúc trồng tre ông, bà chưa phát hiện ra việc ông H lấn đất của ông, bà. Đến năm 2006 thì ông, bà mới phát hiện ông H lấn sang đất của ông, bà khoảng 300m^2.

Theo sơ đồ vị trí ngày 13/02/2018 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Xuyên Mộc thì phần đất ông H lấn sang của ông, bà là 317m^2 thuộc thửa số 54, tờ bản đồ số 24, xã Bình Châu, huyện Xuyên Mộc.

Nay ông, bà yêu cầu vợ chồng ông H, ông H, bà T phải trả lại cho vợ chồng ông, bà 317m^2 đất lấn chiếm nêu trên.

- Quá trình tố tụng giải quyết vụ án, bị đơn Ông Nguyễn Ngọc H và bà Nguyễn Thị T trình bày: Nguồn gốc đất của vợ chồng ông, bà nhận chuyển nhượng của ông Lê Viết S khoảng năm 1999, diện tích chuyển nhượng là 5.000m^2. Khi thoả thuận chuyển nhượng hai bên chỉ áng chừng chứ không tiến hành đo đạc trên thực địa. Năm 2004 ông, bà được cấp giấy chứng nhận QSD đất thửa số 91, 53, tờ bản đồ số 24, xã Bình Châu, huyện Xuyên Mộc diện tích 3.449m^2. Khi làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận QSD đất ông, bà không biết có đo đạc đất hay không.

Phần đất đang tranh chấp do vợ chồng ông, bà sử dụng từ ngày nhận chuyển nhượng của ông S cho tới nay. Năm 2004 ông A là người trực tiếp xác định ranh giới và trồng hàng ranh có sự chứng kiến của Ông Mai Quang Q tổ trưởng tổ dân cư. Hiện nay ông, bà vẫn sử dụng đúng theo hàng ranh do ông A trồng năm 2004.

Nay ông, bà không đồng ý với yêu cầu của vợ chồng ông A, bà B, vì ông, bà không lấn đất của ông A, bà B.

- Quá trình tố tụng giải quyết vụ án, Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam trình bày: Ngày 09/5/2017 Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện Xuyên Mộc – Phòng giao dịch Bình Châu đã ký hợp đồng tín dụng số 1782.00229/HĐTD với bà Nguyễn Thị T, Ông Nguyễn Ngọc H. Theo đó, Ngân hàng cho vợ chồng ông Hẹo, ông H vay 100.000.000đ, lãi suất 10%/năm, thời hạn cho vay 24 tháng, hạn trả nợ cuối cùng là ngày 09/5/2019. Khoản vay được bảo đảm bằng QSD đất thửa số 91, tờ bản đồ số 24 xã Bình Châu, huyện Xuyên Mộc, theo giấy chứng nhận QSD đất số R 545952 cấp hộ Ông Nguyễn Ngọc H. Phần diện tích đất tranh chấp thuộc thửa số 54, tờ bản đồ số 24, xã Bình Châu không liên quan gì đến tài sản mà ông H, ông H thế chấp cho Ngân hàng. Do vậy Ngân hàng không có yêu cầu gì trong vụ án.

- UBND xã Bình Châu trình bày: Theo sơ đồ vị trí ngày 13/02/2018 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Xuyên Mộc thể hiện thì ông H, T sử dụng lấn sang thửa 755, tờ bản đồ số 24 diện tích 100m^2; ông Y, bà Mơi sử dụng lấn sang thửa 755, tờ bản đồ số 24 với diện tích 90m^2 là đường giao thông nông thôn do UBND xã Bình Châu quản lý. UBND xã Bình Châu yêu cầu ông H, T và ông A, bà B trả lại cho UBND xã Bình Châu diện tích đất lấn để sử dụng nêu trên.

- *Ông Mai Quang Q, ông Hrương Thị N trình bày:* Theo sơ đồ vị trí ngày 13/02/2018 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Xuyên Mộc thể hiện ông A, bà B có lấn sang đất của ông Q, bà N tại các thửa đất số 46, 55, 678 tờ bản đồ số 24 xã Bình Châu. Phần lấn sang này ông Q, bà N sẽ tự thoả thuận giải quyết với ông A, bà B, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Ủy ban nhân dân huyện Xuyên Mộc trình bày: Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông A và ông H là đúng quy định của pháp luật.

- Tại bản án dân sự sơ thẩm số 51/2018/DS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc đã quyết định như sau:

Đình chỉ xét xử yêu cầu của UBND xã Bình Châu về việc yêu cầu ông H, T trả lại 100m^2 đất, ông A, bà B trả lại 9m^2 đất thửa số 755, tờ bản đồ số 24 cho UBND xã Bình Châu.

Không chấp nhận yêu cầu của Ông Vòng Phát A, và bà Tống Thị B đối với Ông Nguyễn Ngọc H, bà Nguyễn Thị T.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 06/12/2018, ông A và bà B kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết: Sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông A, bà B.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và không cung cấp tài liệu, chứng cứ mới.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về nguồn gốc đất của ông Y, bà Mơi: Ngày 02/8/1998, UBND huyện Xuyên Mộc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Dương Thị F và ông Dương Công i diện tích đất 6.640m^2 thửa 54, tờ bản đồ 24; Ngày 12/6/1999, ông Chính, ông Hỏ đã chuyển nhượng toàn bộ diện tích đất này cho ông Võ Thành C, kèm theo là Sơ đồ vị trí thửa đất ngày 24/6/1999, đến ngày 11/3/2002 thì ông Chung đã chuyển nhượng toàn bộ diện tích đất thuộc thửa 54 cho Ông Vòng Phát A. Ngày 19/9/2002, hộ Ông Vòng Phát A được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 6.640m^2 thửa 54, tờ bản đồ 24.

Về đất của hộ ông H: Ngày 04/11/2004, hộ Ông Nguyễn Ngọc H được UBND huyện Xuyên Mộc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 3.949m^2 thửa 53 và 91; nguồn gốc diện tích đất này ông H thừa nhận là do nhận chuyển nhượng từ ông Lê Viết S vào khoảng năm 1999, khi nhận chuyển nhượng thì đất chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đến năm 2004 thì ông H mới làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Theo sự thừa nhận của ông H thì khi làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông H nhờ dịch vụ làm nên cũng không biết có đo đất hay không.

Từ đó cho thấy nguồn gốc đất của ông H và ông Ađều là nhận chuyển nhượng từ những người khác; trong đó đất ông Anhận chuyển nhượng đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ năm 1998 và đã có sơ đồ vị trí đất vào ngày 24/6/1999 khi ông Hỏ chuyển nhượng đất cho ông Chung là trước thời điểm ông H được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2004.

Nhận thấy: cả nguyên đơn và bị đơn đều nhận chuyển nhượng đất từ những người khác nên có thể việc xác định ranh đất giữa các chủ đất không được rõ ràng dẫn đến tranh chấp. Tại phiên tòa ông H cho rằng ranh đất theo thỏa thuận với chủ đất cũ là ông Chung nhưng không có tài liệu chứng cứ chứng minh, tuy nhiên theo biên bản hòa giải thành ngày 11/10/2006 tại UBND xã Bình Châu, ông H thừa nhận diện tích đất tranh chấp là của ông Avà đề nghị được nhận chuyển nhượng lại diện tích đất này. Theo Sơ đồ vị trí thửa đất ngày 13/02/2018 của Chi nhánh Văn Phòng đăng ký đất đai huyện Xuyên Mộc thì diện tích đất tranh chấp là 317m^2 thuộc thửa 54 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Y. Ngoài ra, cũng theo sơ đồ vị trí này thì diện tích đất của ông H sử dụng là 3.968m^2 là nhiều hơn diện tích đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong khi chưa bao gồm diện tích đất tranh chấp, ông H cũng thừa nhận tại phiên tòa phúc thẩm diện tích đất ông H được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại các thửa 53, 91 là không thiếu đất. Vì vậy, có căn cứ cho rằng diện tích đất tranh chấp 317m^2 là thuộc quyền sử dụng của ông A, bà B. Nhận thấy tại thời điểm nguyên đơn khởi kiện thì ông H đang sử dụng đất, tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm thì cả nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận từ năm 2018 đến nay thì phía gia đình ông A, bà B đã sử dụng đất nên yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả đất là không có căn cứ mà cần công nhận diện tích đất 317m^2 thuộc thửa 54 là thuộc quyền sử dụng hợp pháp của nguyên đơn.

Đối với diện tích 9m^2 ông A, bà B sử dụng và 100m^2 ông H, ông H sử dụng nhưng có lấn ra đường nhưng Tòa án cấp sơ thẩm đã đình chỉ giải quyết do Đại diện

UBND xã Bình Châu vắng mặt 02 lần không có lý do; nội dung này không bị kháng cáo nên không xem xét tại cấp phúc thẩm.

Đề nghị HĐXX phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của Ông Vòng Phát A, ông Hống Thị B. Sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Đối với yêu cầu của Ủy ban nhân dân xã Bình Châu về việc yêu cầu ông Y, bà Mơi và ông H, ông Hẹo trả lại diện tích đất lấn chiếm sử dụng thuộc quản lý của Nhà nước, thấy: Diện tích đất do Ủy ban nhân dân xã Bình Châu yêu cầu không liên quan đến đất tranh chấp giữa ông A, bà B với ông H, bà T trong vụ án. Trường hợp này cơ quan quản lý Nhà nước về đất đai có thẩm quyền xử lý theo thủ tục hành chính đối với người lấn chiếm đất công cộng, không phải là tranh chấp dân sự, Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết trong vụ án là không đúng. Tuy nhiên Tòa án cấp sơ thẩm đã đình chỉ xét xử yêu cầu này và không có kháng cáo, không ảnh hưởng đến nội dung vụ án nên không xem xét.

[2] Xét kháng cáo của ông A, bà B, thấy: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ thể hiện nguồn gốc diện tích đất thửa số 54, tờ bản đồ số 24, xã Bình Châu, huyện Xuyên Mộc do bà Dương Thị Tỏ chuyển nhượng cho ông Võ Thành Pnăm 1999, ông Hỏ đo vẽ và chuyển nhượng nguyên thửa cho ông Chung. Năm 2002 ông Chung chuyển nhượng cho ông A cũng nguyên thửa và không bàn giao ranh mốc, cùng năm 2002 ông A và bà B được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2003 ông A trồng tre để làm ranh, ông Acho rằng năm 2006 ông A phát hiện có nhầm lẫn trong việc xác định ranh, có một phần diện tích đất của ông A bên ngoài hàng ranh do ông H sử dụng. Việc ông Atrồng tre làm ranh năm 2003 sau khi ông Ađược cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là do tự xác định mà không yêu cầu cơ quan chuyên môn xác định nên có sự nhầm lẫn trong việc xác định ranh đất. Trình bày của ông A, bà B cho rằng có sự nhầm lẫn khi xác định ranh năm 2003 là có căn cứ.

Ông H cho rằng ông sử dụng phần đất tranh chấp trước khi ông Anhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Tại biên bản hòa giải của Ủy ban nhân dân xã Bình Châu năm 2006, ông H đồng ý trả tiền cho ông Alà 10.000đ/m^2 đối với phần đất tranh chấp để ông H được sử dụng phần đất này. Ông H cho rằng thời điểm đó do ông có khó khăn về kinh tế nên chưa thực hiện trả tiền cho ông A theo thỏa thuận được, sau đó ông Alại yêu cầu ông phải trả 12.000.000đ để sử dụng phần đất hiện đang tranh chấp nhưng ông H không đồng ý. Như vậy ông H có sự thừa nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đang tranh chấp là của ông Y, ông H đồng ý trả tiền cho ông Ađể được sử dụng.

Ủy ban nhân dân huyện Xuyên Mộc xác nhận: Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Avà ông H là đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Như vậy xác định diện tích đất tranh chấp trong vụ án thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông Avà bà B. Tại thời điểm nguyên đơn khởi kiện năm 2010 phần diện tích đất tranh chấp do bị đơn ông H sử dụng, tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn và bị đơn thừa nhận là từ năm 2018 cho đến nay gia đình ông Y, bà Mơi đã rào lại để sử dụng và vẫn yêu cầu Tòa án giải quyết để xác định quyền sử dụng đất là của ai. Ông H và ông Hẹo phản đối việc ông Avà bà B sử dụng phần đất này. Như vậy xác định các đương sự tranh chấp ai là người được quyền sử dụng đối với đất tranh chấp trong vụ án. Hiện ông A và bà B đang sử dụng đất nên không chấp nhận yêu cầu của ông A và bà B về yêu cầu bị đơn trả lại đất. Nhưng để giải quyết triệt để vụ án, cần tuyên ông Avà bà Mơi được quyền sử dụng diện tích đất 317m^2, thửa số 54, tờ bản đồ số 24, xã Bình Châu, huyện Xuyên Mộc. Sửa bản án sơ thẩm.

Đối với chuồng gà tạm do gia đình ông A làm trong thời gian chuẩn bị xét xử, không có yêu cầu nên không xét đến.

[3] Về chi phí đo vẽ, định giá tại Tòa án cấp sơ thẩm là 11.200.000đ và chi phí xem xét thẩm định tại chỗ tại Tòa án cấp phúc thẩm là 1.700.000đ. Tổng cộng là 12.900.000đ: Ông A và bà B tự nguyện chịu và đã nộp xong.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: - Ông H và bà T phải chịu. Tranh chấp quyền sử dụng đất không tính giá trị nên án phí không có giá ngạch. Vụ án thụ lý sơ thẩm năm 2010 do vậy căn cứ pháp lệnh án phí lệ phí Tòa án năm 2009 để giải quyết.

- Ông A và bà B không phải chịu.

[5] Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Avà bà B không phải chịu.

Từ nhận định trên, chấp nhận kháng cáo của ông Avà bà B Sửa bản án sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Chấp nhận kháng cáo của Ông Vòng Phát A và ông Tống Thị B. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 51/2018/DSST ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu như sau:

Căn cứ các Điều 157, 165, khoản 2 Điều 219, khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 26, 27, 29 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ giải quyết vụ án đối với yêu cầu của Ủy ban nhân dân xã Bình Châu về việc yêu cầu Ông Nguyễn Ngọc H, bà Nguyễn Thị T và Ông Vòng Phát A và bà Tống Thị B trả lại cho Ủy ban nhân dân xã Bình Châu diện tích đất như sau: Ông H, bà T là 100m^2 và ông Y, bà Mơi là 09m^2 thuộc thửa số 755, tờ bản đồ số 24, xã Bình Châu, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (theo sơ đồ vị trí ngày 13/02/2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Xuyên Mộc).

2. Ông Vòng Phát A và bà Tống Thị B được quyền sử dụng diện tích đất 317m^2, thửa 54, tờ bản đồ số 24, xã Bình Châu, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (Lô 2 - sơ đồ vị trí ngày 13/02/2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu).

3. Về chi phí đo vẽ, định giá tại Tòa án cấp sơ thẩm là 11.200.000đ và chi phí xem xét thẩm định tại chỗ tại Tòa án cấp phúc thẩm là 1.700.000đ. Tổng cộng là 12.900.000đ (Mười hai triệu chín trăm nghìn đồng): Ông Vòng Phát A và ông Hống Thị B tự nguyện chịu và đã nộp xong.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: - Ông Nguyễn Ngọc H và bà Nguyễn Thị T phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

- Ông Vòng Phát A và bà Tống Thị B không phải chịu. Hoàn trả cho ông A và bà B tiền tạm ứng án phí đã nộp là 225.000đ (Hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 005131 ngày 15/11/2010 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

5. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Vòng Phát A và bà Tống Thị B không phải chịu. Hoàn lại cho ông A và bà B 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0004771 ngày 06/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

Bản án có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh BR-VT;
- VKSND H. Xuyên Mộc;
- TAND H. Xuyên Mộc;
- Chi cục THADS H. Xuyên Mộc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Trương Văn Tâm